TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-PT
Ngày: 12/01/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp nghĩa vụ phải thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phỉ;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp nghĩa vụ phải thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 367/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở: Số B, ngõ A Phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nhân N, sinh năm 1989 – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty Đ tại thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 26/12/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần Đ: Ông Đỗ Duy H1, là Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số I, hẻm B T, Tổ B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Lâm Thiện A, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số D, tổ C, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông A: Bà Bùi Trần Phú T, là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A.

Tại phiên tòa có mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến nay, giữa Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) và ông Lâm Thiện A đã ký 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa (thời điểm các bên ký kết Hợp đồng, ông Lâm Thiện A ký với tư cách cá nhân), gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa năm 2014 *(Do quá trình lưu giữ hồ sơ, Công ty Đ đã bị thất lạc file cứng các tài liệu là: Hợp đồng; Hóa đơn bán hàng từ năm 2014 đến năm 2017; Phiếu xuất kho và phiếu nhập hàng trả lại mà chỉ còn file mềm được lưu giữ trong phần mềm quản lý của Công ty Đ);*

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số SG103/HĐMB.ADI.2018 ngày 01/01/2018, thời hạn Hợp đồng kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020).

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa từ năm 2014 đến nay, giữa công ty Đ và ông Lâm Thiện A đã tiến hành giao nhận 199 đơn hàng. Tuy nhiên, do quá trình mua bán hàng hóa đã lâu, tài liệu bị thất lạc nên hiện nay Công ty Đ chỉ lưu giữ được những bản chính các biên bản giao nhận hàng hóa của năm 2018. Hợp đồng ký năm 2018, giữa Công ty Đ và ông Lâm Thiện A đã tiến hành giao nhận 18 đơn hàng; trên cơ sở các sổ chi tiết công nợ, Công ty Đ và ông A đã đối chiếu công nợ, thể hiện tại 02 Biên bản đối chiếu công nợ là: Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/7/2019; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/4/2022 đã được ông Lâm Thiện A thống nhất và ký xác nhận. Quá trình thanh toán tiền hàng, ông A đã thực hiện thanh toán như sau: kể từ năm 2014 đến ngày 10/7/2019, tổng số tiền hàng hóa mà ông Lâm Thiện A đã thanh toán cho Công ty Đ là: 11.739.046.000 đồng (theo biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/7/2019); ngày 24/9/2019, ông Lâm Thiện A thanh toán cho Công ty Đ số tiền hàng hóa là: 50.000.000 đồng; ngày 27/5/2021, ông Lâm Thiện A thanh toán cho Công ty Đ số tiền hàng hóa là: 20.000.000 đồng (Theo Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/1/2021 đến ngày 19/4/2022).

- Về việc thu hồi hàng hóa đã bán: Trong quá trình mua bán hàng hóa, quá thời hạn thanh toán của các đơn hàng, ông Lâm Thiện A đã không thanh toán

đầy đủ theo thỏa thuận. Để hạn chế thiệt hại từ nợ xấu gây ra cho công ty, ảnh hưởng đến cơ cấu vốn, nên đã thu hồi số hàng, với tổng số là 18 lần, tổng giá trị số hàng bị thu hồi là: 589.070.734 đồng.

- Số tiền hàng mà ông Lâm Thiện A còn chưa thanh toán cho Công ty Đ: Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/4/2022 là: 564.103.387đồng *(năm trăm sáu mươi tư triệu một trăm linh ba nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).* Số tiền công nợ đã được các bên đối chiếu và ký xác nhận, cụ thể: Số tiền còn nợ = Số tiền hàng hóa – (Số tiền chiết khấu + Số tiền đã thanh toán + Số tiền hàng thu hồi) = 13.738.250.437 – (776.030.316 + 11.809.046.000 + 589.070.734) = 564.103.387 đồng. Do thói quen kinh doanh từ trước đến nay của Công ty Đ và khách hàng là sẽ giao hàng trước, khách hàng sẽ trả tiền sau (Trả gối đầu), ông A nhiều lần chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Đ không thể xác định được số tiền còn nợ này là khoản nợ của các loại hàng hóa nào, chủng loại, số lượng, đơn giá cụ thể là bao nhiêu; mà quá trình thanh toán chi tiết các đơn hàng và số tiền còn nợ tính đến thời điểm hiện tại của ông được thể hiện tại biên bản đối chiếu công nợ. Do ông A không thanh toán, Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu, nhưng ông A cũng không thanh toán, nên ngày 04/10/2022, Công ty Đ đã gửi thông báo cho ông Lâm Thiện A về việc khởi kiện vụ án dân sự, ông A cũng không thực hiện thanh toán.

Do vậy, Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Thiện A thanh toán số tiền còn nợ Công ty Đ là: 564.103.387đồng *(năm trăm sáu mươi tư triệu, một trăm linh ba nghìn, ba trăm tám mươi bảy đồng).*

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Công ty Đ có đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023 như sau:

- Buộc ông Lâm Thiện A thanh toán tiền phạt theo thỏa thuận của các bên tại Điều 4 Hợp đồng mua bán số: SG103/HĐMB.ADI.2018 ngày 01/01/2018.

- Buộc ông Lâm Thiện A bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong Hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty Đ theo đúng quy định pháp luật.

Tại đơn yêu cầu bổ sung, đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2023, Công ty Đ yêu cầu cụ thể, buộc ông Lâm Thiện A thanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh do chậm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty Đ, thời hạn tính từ ngày 30/11/2018 tạm tính đến ngày 15/7/2023 là 476.103.259 đồng. Buộc ông Lâm Thiện A bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp hợp đồng cho Công ty Đ tạm tính đến thời điểm hiện tại là 78.157.000 đồng.

- Bị đơn ông Lâm Thiện A tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ, đến nay còn nợ số tiền hàng hóa đối với Công ty Đ tính đến ngày 19/4/2022 theo Bản đối chiếu công nợ với số tiền là 564.103.387đồng, ông đề nghị trả dần khoản nợ như sau: trong năm 2023 trả một khoản tiền là 250.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán trong năm 2024.

Tại biên bản ghi nhận lời khai đương sự ngày 03/8/2023, ông xác định theo Hợp đồng ký kết năm 2018, thì Công ty Đ đã ngưng không giao hàng từ tháng 12/2018, đơn hàng ngày 20/7/2018 đúng là đơn hàng cuối cùng mà Công ty Đ thực hiện giao theo hợp đồng ký kết năm 2018; tại bản đối chiếu công nợ giai đoạn 01/10/2016 đến 31/7/2019 ông A đã trả được một phần nợ, đến ngày 27/5/2021 trả được tiếp một phần nợ, sau đó mới làm bản đối chiếu công nợ ngày 19/4/2022, công nhận số tiền này tại bản đối chiếu là đúng. Từ tháng 12/2018 là trả nợ cho các khoản nợ cũ của Hợp đồng đã ký năm 2014, còn khoản nợ của Hợp đồng ký năm 2018 ông A chưa thanh toán, nên tháng 12/2018 Công ty Đ mới không giao hàng, khi ngưng giao Công ty Đ không có thông báo lý do về việc ngưng giao hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-STngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ.

Buộc ông Lâm Thiện A phải có nghĩa vụ trả cho cho Công ty cổ phần Đ số tiền 1.054.873.334 đồng *(một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng)* (trong đó: số tiền phải trả theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/4/2022 là: 564.103.387 đồng *(năm trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm không ba nghìn, ba trăm tám mươi bảy đồng)*, tiền lãi là 490.769.947 đồng *(bốn trăm chín mươi triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi bảy đồng)* tính đến ngày 06/9/2023).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty cổ phần Đ, buộc ông Lâm Thiện A phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 78.157.000 đồng *(bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo Đơn kháng cáo ngày 15/9/2023 của ông Lâm Thiện A. Kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo, người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình này: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lâm Thiện A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về lãi suất: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn Công ty ADI số tiền lãi là 322.478.491 đồng; ông A không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Thiện A nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Thiện A, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn Công ty cổ phần Đ (Công ty Đ) và bị đơn ông Lâm Thiện A thống nhất từ năm 2014 đến năm 2018, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết 02 hợp đồng mua bán hàng hóa gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa năm 2014 (từ năm 2014 đến năm 2017) và hợp đồng mua bán hàng hóa số SG103/HĐMB.ADI.2018 ngày 01/01/2018 (từ năm 2018 đến 31/12/2020). Theo đó, nguyên đơn có bán cho bị đơn các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn, thỏa thuận về giá cả thời điểm nhận hàng, thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán…

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất từ năm 2014 đến 2018, Công ty Đ đã giao cho ông A tổng cộng 199 đơn hàng, với tổng giá trị 13.738.250.437 đồng. Công ty Đ đã chiết khấu lại cho ông A số tiền 776.030.316 đồng, ông A đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng 11.809.046.000 đồng, giá trị số hàng hóa Công ty Đ đã thu hồi lại 589.070.734 đồng, hiện ông A còn nợ Công ty Đ số tiền 564.103.387 đồng. Ông A thống nhất số nợ và xin trả dần số nợ này.

Về lãi suất: Tại Điều 4 của hợp đồng mua bán hàng hóa số SG103/HĐMB.ADI.2018 ngày 01/01/2018 có thỏa thuận "Trường hợp thanh toán trễ thời hạn thanh toán quá 45 ngày thì Bên mua ngoài việc trả nợ còn phải thanh toán lãi trễ hạn theo tỉ lệ phạt thanh toán trễ hạn của ADI công bố trong từng thời điểm…". Như vậy nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì Công ty Đ có thông báo "về việc thời gian nợ, tỷ lệ thưởng – phạt trong thanh toán, phí hỗ trợ thanh toán qua

ngân hàng", tỷ lệ phạt thanh toán chậm từ 31 ngày đến 45 ngày tỷ lệ phạt 2,0%, từ 46 ngày trở lên tỷ lệ phạt 2,4% tháng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính lãi bình quân của 03 ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử là 14,83%. Theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự này (20% tháng).

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền với lãi suất 12%/năm là không vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Về thời gian tính lãi: Tại biên bản ghi nhận lời khai đương sự ngày 03/8/2023, ông A xác định đơn hàng ngày 20/7/2018 đúng là đơn hàng cuối cùng mà Công ty Đ thực hiện giao theo hợp đồng ký kết năm 2018. Cho thấy tại thời điểm 20/7/2018 ông A đã nợ Công ty Đ với số tiền 564.103.387 đồng. (Thời điểm tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn là trên 45 ngày kể từ ngày ngưng giao dịch mua bán, như vậy nguyên đơn được quyền tính lãi từ ngày 6/9/2018, nhưng nguyên đơn yêu cầu thời gian tính lãi kể từ ngày 01/12/2018 là có lợi cho bị đơn.

Tuy nhiên qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền lãi là 490.769.947 là chưa đúng. Vì 564.103.387 đồng x 4 năm 9 tháng 5 ngày x 12% = 322.478.491 đồng. Do đó Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về lãi suất theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các phần quyết định khác các đương sự không kháng cáo được giữ nguyên.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Lâm Thiện A không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lâm Thiện A.

P xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ.

Buộc ông Lâm Thiện A phải có nghĩa vụ trả cho cho Công ty cổ phần Đ số tiền 886.581.878 đồng *(tám trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi*

một nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc 564.103.387 đồng *(năm trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm không ba nghìn, ba trăm tám mươi bảy đồng)*, tiền lãi là 322.478.491 đồng *(ba trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty cổ phần Đ, buộc ông Lâm Thiện A phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 78.157.000 đồng *(bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm ông Lâm Thiện A phải chịu là 38.597.456 đồng *(ba mươi ba tám triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm măm mươi sáu đồng)*.

3.2. Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 3.907.850 đồng *(ba triệu, chín trăm không bảy nghìn, tám trăm năm mươi đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.085.000 đồng *(mười ba triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn đồng)*, trả lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 9.177.150 đồng *(chín triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013874 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp;

- Trả lại cho Công ty cổ phần Đ ADI toàn bộ số tiền 13.282.000 đồng *(mười ba triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0013073 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lâm Thiện A số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Toàn án số 0013953 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Ngọc Phỉ **Nguyễn Hoàng Thám** **Lưu Hữu Giàu**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hữu Giàu